TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2024/HS-ST
Ngày: 06/8/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hưng
2. Bà Nguyễn Thị Bé Em

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre *tham gia phiên tòa*: Bà Huỳnh Thị Chấm – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2024/TLST-HS ngày 19/7/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/QĐXXST-HS ngày 24/7/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Minh H, sinh năm 1996 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: số A, khu phố B, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre; trình độ văn hóa: 8/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1965 và bà Bùi Thị Ngọc T1, sinh năm 1973; vợ: Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm: 1995; con: có 03 con chung, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền sự: không; tiền án: không; nhân thân: ngày 13/6/2024 bị Công an thành phố B xử phạt 3.000.000 đồng về hành vi "Cố ý làm hư hỏng tài sản" và xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" (Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 92/QĐ-XPHC). Bị cáo bị bị bắt tạm giam từ ngày 16/02/2024 cho đến nay, có mặt.

- *Bị hại:* Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 1980; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1975; nơi cư trú: số F, ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre. Có mặt

2. Bùi Thị Ngọc T1, sinh năm 1973; nơi cư trú: số G, ấp A, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Có mặt

3. Nguyễn Hoàng C, sinh năm 1979; nơi cư trú: số B, khu phố B, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1995; nơi cư trú: số F, ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre. Có mặt

2. Trần Thị C1, sinh năm 1969; nơi cư trú: số F, ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 50 phút ngày 09/02/2024, Nguyễn Minh H chuẩn bị một cây súng ngắn và 01 (một) cây kéo bằng kim loại để vào 01 (một) túi vải mang trên người rồi điều khiển xe mô tô Biển số: 71H1-155.50 do Nguyễn Ngọc L (cha vợ của H), sinh năm: 1975, ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Số F, ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre làm chủ, chở Nguyễn Thị Tuyết N (vợ của H) đi từ nhà ông L đến Nhà trọ M ở ấp B, xã B, thành phố B do chị Mai Thị T3, sinh năm: 1982 làm chủ. Trên đường đi, H nói với N đến Nhà trọ Mai P 5 để gặp chị Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 1980, ĐKTT: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre lấy số tiền 2.500.000 đồng chị T2 nợ của H trước đó. Khi đến Nhà trọ Mai P 5, H đậu xe trước cửa Phòng trọ C8 nơi chị T2 thuê để ở, H và N bước xuống xe, N ở bên ngoài phòng trọ. H đứng trước cửa phòng thấy cửa đóng và có khóa trong, biết chị T2 có trong phòng nên đập cửa yêu cầu chị T2 mở cửa nhưng chị T2 không mở cửa. H lấy cây súng ngắn và cây kéo cầm trên tay phải, lấy nòng súng đập vào kính cửa phòng làm vỡ kính. H lòn tay trái vào bên trong mở chốt cửa, đẩy cửa đi vào trong phòng. Lúc này, trong Phòng C8 chị T2 có hai người con chị T2 (01 bé trai 07 tuổi và chị T2 đang ẵm trên tay 01 bé trai 06 tháng tuổi). H lớn tiếng chửi chị T2 và yêu cầu chị T2 trả tiền nhưng chị T2 nói không có tiền. Lúc này, tay phải H cầm cây súng ngắn và cây kéo, phần nòng súng hướng lên và mũi kéo hướng xuống. H dùng súng đánh phần báng súng vào vùng đầu của chị T2 03 cái. Trong khi H đánh chị T2, thì mũi kéo trúng vào mặt sau cẳng tay phải của chị T2 gây một vết xước. H tiếp tục chửi và đòi chị T2 trả tiền nhưng chị T2 không có tiền trả. H thấy điện thoại OPPO F1S của chị T2 đang sạc trên bàn nên dùng tay phải lấy điện thoại bỏ vào túi quần vải, bên phải, H đang mặc. H tiếp tục chửi và đe dọa chị T2 nếu đến 19 giờ cùng ngày chị T2 không trả 2.500.000 đồng H sẽ tiếp tục kiếm chị T2 gây chuyện. Sau đó, H ra khỏi Phòng C8 và điều khiển xe mô tô Biển số: 71H1-155.50 chở N về nhà ông L ở xã T, huyện G. Trên đường đi, H lấy điện thoại nhãn hiệu OPPO F1S của chị T2 đưa cho N cầm giúp và nói khi nào chị T2 trả tiền thì trả điện thoại. Nhi không đồng ý và yêu cầu H quay trở lại trả điện thoại cho T2 nhưng H không đồng ý và tiếp tục điều khiển xe chạy về nhà ông L. Khi về đến nhà, N để điện thoại trên giường rồi đi phụ đám tang. H lấy điện thoại trên rồi đem về Nhà cho thuê tháng số A, Khu phố B, phường P, thành phố B do H thuê của ông Nguyễn Hoàng C, sinh năm: 1979, ĐKTT: Số B, Khu phố B, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre cất giấu.

Trong suốt thời gian xảy ra sự việc, N ở bên ngoài Phòng C8, không tham gia, không có lời lẽ gì liên quan, không giúp sức cho H. N không biết H có đem theo cây súng ngắn và cây kéo bằng kim loại. Mối quan hệ tiền bạc giữa H và chị Trúc N1

không biết và không có liên quan. N1 không biết trước là H sẽ đánh chị T2 và cũng không thấy việc H đánh chị T2, lấy điện thoại của chị T2, N1 chỉ biết H đến gặp chị T2 để nói chuyện chị T2 nợ tiền trước đó.

Sáng ngày 10/02/2024, bà Bùi Thị Ngọc T1 (mẹ ruột của H) đến gặp chị T2 thì biết sự việc trên. Đến ngày 12/02/2024, bà T1 liên hệ được H thì H nói để điện thoại tại phòng trọ của H thuê ở Nhà cho thuê tháng số A, Khu phố B, phường P, thành phố B nên bà T1 đến lấy điện thoại đem trả lại cho chị T2 và vận động H đến Công an trình diện.

Vật chứng do Cơ quan điều tra thu giữ: 01 (một) cây súng ngắn, màu đen-trắng, kích thước 15cm x 09cm; 01 (một) hộp tiếp đạn bằng kim loại, màu đen; 01 (một) túi đeo chéo, màu xanh-xám, có chữ "Extra Bass"; 01 (một) cây kéo bằng kim loại, màu trắng, mũi nhọn, dài 13,6cm; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S, màu trắng - hồng, mặt kính có nhiều vết nứt, mặt lưng hở; 01 (một) xe mô tô, Biển số: 71H1-115.50, nhãn hiệu: Suzuki, màu: vàng-đen, Số khung: RLSDL23DNLV105083; Số máy: CGA2955101.

Tại Kết luận định giá tài sản số 409/KL-HĐĐG ngày 04/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO F1S, màu trắng – hồng: giá trị tài sản ngày 09/02/2024: 200.000 đồng; 01 (một) tấm kính kích thước 0,9m x 1,2m, loại kính thường 05 ly (mm), bị vỡ một phần khoảng 0,4m x 0,3m ở góc dưới bên phải, giá trị thiệt hại của tài sản ngày 09/02/2024: 243.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 93/24/KLTTCT-TTPYBT ngày 03/4/2024 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh B kết luận:

1. Các kết quả chính: Sẹo mặt sau cẳng tay phải kích thước trung bình.

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Thị Thanh T2 tại thời điểm giám định: 02% (Hai phần trăm).

Tại Kết luận giám định số 309/KL-KTHS(Đ2) ngày 12/03/2024 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Khẩu súng gửi giám định ký hiệu A là súng bắn đạn bằng lực đẩy của khí nén, hiện tại khẩu súng không đầy đủ các bộ phận (không có búa đập), các bộ phận của súng liên kết không chặt chẽ với nhau và không sử dụng để bắn được đạn. Khẩu súng ký hiệu A không phải vũ khí quân dụng, công cụ hỗ trợ.

Ngày 14/6/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả cho ông Nguyễn Ngọc L: 01 (một) xe mô tô, Biển số: 71H1-115.50; đã trả cho chị Nguyễn Thị Thanh T2: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S, màu trắng - hồng, mặt kính có nhiều vết nứt, mặt lưng hở.

Bà Bùi Thị Ngọc T1 (mẹ bị cáo H) đã bồi thường cho chị T2 100.000 đồng; đã thay H sửa chữa cửa kính phòng trọ C8, Nhà trọ Mai P 5 do chị Mai Thị T3 làm chủ với tiền công số tiền 270.000 đồng. Chị T3, chị T2 không yêu cầu bồi thường gì thêm; bà T2 không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã thay bị cáo sữa chữa, bồi thường.

Đối với 01 cây súng, màu đen-trắng, kích thước 15cm x 09cm; 01 hộp tiếp đạn bằng kim loại, màu đen; 01 cây kéo bằng kim loại, màu trắng, mũi nhọn, dài 13,6cm là công cụ bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội và 01 (một) túi đeo chéo, màu xanh-xám, có chữ "Extra Bass" hiện đang tạm giữ chưa xử lý.

Quá trình điều tra, Nguyễn Minh H đã khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai người làm chứng, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, tang vật thu giữ và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Tại Cáo trạng số 48/CT-VKSTPBT ngày 18/7/2014 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo về tội "*Cướp tài sản*" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị: Về hình phạt chính: áp dụng: điểm d khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 05 đến 06 năm tù về tội "*Trộm cắp tài sản*".

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả cho ông Nguyễn Ngọc L: 01 (một) xe mô tô, Biển số: 71H1-115.50; đã trả cho chị Nguyễn Thị Thanh T2: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S, màu trắng - hồng, mặt kính có nhiều vết nứt, mặt lưng hở.

Bà Bùi Thị Ngọc T1 (mẹ bị cáo H) đã bồi thường cho chị T2 100.000 đồng; đã thay H sửa chữa cửa kính phòng trọ C8, Nhà trọ Mai P 5 do chị Mai Thị T3 làm chủ với tiền công số tiền 270.000 đồng. Chị T3, chị T2 không yêu cầu bồi thường gì thêm; bà T1 không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã thay bị cáo sữa chữa, bồi thường.

Tịch thu tiêu hủy 01 cây súng, màu đen-trắng, kích thước 15cm x 09cm; 01 hộp tiếp đạn bằng kim loại, màu đen; 01 cây kéo bằng kim loại, màu trắng, mũi nhọn, dài 13,6cm; 01 (một) túi đeo chéo, màu xanh-xám, có chữ "Extra Bass" là công cụ bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Ngọc L trình bày: ông là cha vợ của bị cáo, xe mà bị cáo sử dụng trong ngày xảy ra vụ việc là của ông. Ngày hôm đó ông để xe ở nhà thì bị cáo tự ý lấy xe để sử dụng, ông không biết bị cáo dùng xe để vào mụa đích phạm tội, ông đã nhận lại xe và không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bùi Thị Ngọc T1 trình bày: bà là mẹ của bị cáo, bị cáo có nhờ bà bồi thường cho bị hại và sữa chữa hư hại ở phòng trọ của bị hại xong, bà không yêu cầu bị cáo trả lại những khoản chi phí này cho bà.

Người làm chứng Nguyễn Thị Tuyết N trình bày: chị là vợ của bị cáo, ngày xảy ra sự việc chị có đi cùng với bị cáo đến nhà của bị hại để bị cáo đòi tiền của bị hại. Khi đến nơi chị đứng bên ngoài cổng nhà trọ nên không biết được việc bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Khi đi cùng xe với bị cáo chị không để ý nên cũng không biết việc bị cáo mang theo súng và kéo. Bị cáo sau khi lấy được điện thoại của bị hại có nhờ chị cầm giúp và nói về hành vi phạm tội của bị cáo thì chị có khuyên bị cáo trả lại điện thoại cho bị hại nhưng bị cáo không nghe. Chị không có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

Người làm chứng Trần Thị H1 trình bày: bà là mẹ vợ của bị cáo, bà không chứng kiến sự việc phạm tội của bị cáo nhưng sao đó có nghe kể lại sự việc như bị cáo đã trình bày.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: khoảng 11 giờ 30 phút ngày 09/02/2024, Nguyễn Minh H tìm gặp chị T2 tại Phòng trọ C8, Nhà trọ M ở ấp B, xã B, thành phố B để đòi nợ 2.500.000 đồng mà chị T2 nợ H nhưng chị T2 không có tiền để trả nên H đã dùng cây súng ngắn đập bể kính cửa phòng để mở cửa vào phòng của chị T2 và xông vào dùng báng súng đánh vào vùng đầu chị T2, dùng kéo gây thương tích 2% ở mặt sau cẳng tay phải của chị T2 và lấy của chị T2 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S, trị giá 200.000 đồng.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, bị cáo đã một mình cố ý dùng súng ngắn (không phải vũ khí quân dụng hoặc công cụ hỗ trợ) và cây kéo bằng kim loại, màu trắng, mũi nhọn, dài 13,6cm để đánh, gây thương tích và uy hiếp tinh thần của bị hại, làm bị hại lâm vào tình trạng không thể phản kháng để chiếm đoạt tài sản của bị hại, giá trị tài sản chiếm đoạt 200.000 đồng. Vì vậy, cáo

trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre truy tố bị cáo về tội "Cướp tài sản" được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng chủ sở hữu thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản đã thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Khi bị cáo thực hiện tội phạm đã gây ra tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, trong sinh hoạt hàng ngày.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tiền án tiền sự nhưng 13/6/2024 bị Công an thành phố B xử phạt 3.000.000 đồng về hành vi "Cố ý làm hư hỏng tài sản" và xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" (Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 92/QĐ-XPHC). Về tình tiết tặng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo không có. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: "Bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại", "Người phạm tội thành khẩn khai báo", "Bị cáo có nghĩa vụ nuôi con nhỏ" và "Bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo" theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết. Tuy nhiên, mức hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự là nghiêm khắc so với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo; bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ở khoản 1 Điều 51 và nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất mà khung hình phạt quy định cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả cho ông Nguyễn Ngọc L: 01 (một) xe mô tô, Biển số: 71H1-115.50; đã trả cho chị Nguyễn Thị Thanh T2: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S, màu trắng - hồng, mặt kính có nhiều vết nứt, mặt lưng hở. Ghi nhận bà Bùi Thị Ngọc T1 (mẹ bị cáo H) đã bồi thường cho chị T2 100.000 đồng; đã thay H sửa chữa cửa kính phòng trọ C8, Nhà trọ Mai P 5 do chị Mai Thị T3 làm chủ với tiền công số tiền 270.000 đồng. Chị T3, chị T2 không yêu cầu bồi thường gì thêm; bà T1 không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã thay bị cáo sữa chữa, bồi thường.

Tịch thu tiêu hủy 01 cây súng, màu đen-trắng, kích thước 15cm x 09cm; 01 hộp tiếp đạn bằng kim loại, màu đen; 01 cây kéo bằng kim loại, màu trắng, mũi nhọn, dài 13,6cm; 01 (một) túi đeo chéo, màu xanh-xám, có chữ "Extra Bass" là công cụ bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội.

[8.1] Đối với hành vi Nguyễn Minh H gây thương tích cho chị Nguyễn Thị Thanh T2, tỷ lệ tổn thương cơ thể 02 % (dưới 11%) nên Cơ quan có thẩm quyền không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo điểm c khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[8.2] Đối với việc Nguyễn Minh H đập vỡ cửa kính phòng trọ C8, Nhà trọ Mai P 5 của chị Mai Thị T3 làm thiệt hại tài sản của chị T3; giá trị tài sản thiệt hại 243.000 đồng là không đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" nên Cơ quan có thẩm quyền không truy cứu trách nhiệm hình sự và ngày 13/6/2024 Công an thành phố B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 92/QĐ-XPHC xử phạt bị cáo 3.000.000 đồng về hành vi "Cố ý làm hư hỏng tài sản của cá nhân, tổ chức" là phù hợp nên ghi nhận.

[8.3] Đối với Nguyễn Thị Tuyết N, khi H chở N đến phòng trọ của chị T2 nhưng Cơ quan có thẩm quyền không chứng minh được chị N đồng phạm với bị cáo hoặc có hành vi phạm tội khác; đối với ông Nguyễn Ngọc L là chủ xe mô tô Biển số: 71H1-115.50 bị cáo sử dụng khi phạm tội nhưng ông L không biết việc này; đối với ông Nguyễn Hoàng C là chủ phòng trọ nơi bị cáo thuê để ở và mang điện thoại của bị hại về cất giấu nhưng ông C không biết và cũng không có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên Cơ quan có thẩm quyền không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[8.4] Đối với 01 cây súng, màu đen-trắng, kích thước 15cm x 09cm; 01 hộp tiếp đạn bằng kim loại, màu đen mà bị cáo sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội qua giám định không phải là vũ khí quân dụng hoặc công cụ hỗ trợ nên Cơ quan có thẩm quyền không truy cứu trách nhiệm hình sự và không xử phạt hành chính là phù hợp.

[9] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hình phạt, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp là phù hợp nên được chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh H phạm tội "Cướp tài sản";

1. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh H 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/02/2024.

2. Về xử lý vật chứng, áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 cây súng, màu đen-trắng, kích thước 15cm x 09cm; 01 hộp tiếp đạn bằng kim loại, màu đen; 01 cây kéo bằng kim loại, màu trắng, mũi nhọn, dài 13,6cm; 01 (một) túi đeo chéo, màu xanh-xám, có chữ "Extra Bass".

(Vật chứng hiện Chi cục Thi hành án thành phố Bến Tre đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/8/2024)

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: bị cáo Nguyễn Minh H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND P. 7, TPBT (1b);
- Bị cáo, Bị hại, NCQLNVLQ (7b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình